ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KHỐI 7
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022-2023

MỤC LỤC

MÔN: TOÁN 7 2
MÔN NGỮ VĂN 3
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 4
MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 27
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 37
MÔN CÔNG NGHỆ 7 45
MÔN TIẾNG ANH 53

Trung Sơn Trầm, ngày ..... tháng 03 năm 2023

KÝ DUYỆT CỦA BGH

MÔN: TOÁN 7

MÔN NGỮ VĂN

I. Đọc - Hiểu văn bản:

1 - Truyện ngụ ngôn.

2 - Văn bản nghị luận.

II. Thực hành tiếng Việt:

1. Thành ngữ.

2. Liên kết trong văn bản.

3. Các biện pháp tu từ.

III. Viết:

1. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

2. Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

I. TRẮC NGHIỆM

1. CHỦ ĐỀ 6: TỪ

Câu 1. Nam châm là gì?

A. Là những vật có từ tính có thể hút được các vật bằng sắt, thép…

B. Là những vật có từ tính có thể đẩy được các vật bằng sắt, thép…

C. Là những vật có từ tính có thể hút được các vật bất kì

D. Là những vật có từ tính có thể hút được các vật bằng kim loại

Câu 2. Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

A. Nam châm có nhiều dạng khác nhau nhưng mỗi nam châm đều có (1) …… cực.

B. Vật liệu có tương tác từ với nam châm được gọi là vật liệu có (2) ……

C. Cao su, giấy, vải là các vật liệu (3) …… từ tính.

D. Sắt, thép, cobalt, nickel là các vật liệu (4) …… từ tính.

Câu 3. Đặt kim nam châm trên giá thẳng đứng như hình sau. Khi đứng cân bằng, kim nam châm nằm dọc theo hướng nào?

A. Đông – Tây

B. Đông bắc - Tây nam

C. Bắc – Nam

D. Tây bắc - Đông Nam

Câu 4. Hình dưới đây cho biết một số đường sức từ của nam châm thẳng. Hãy xác định tên hai cực của nam châm dưới đây?

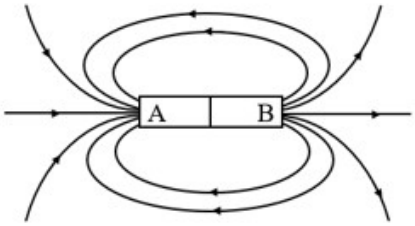

A. A là cực Bắc, B là cực Nam.
B. A là cực Nam, B là cực Bắc.
C. A và B đều là cực Bắc.
D. A và B đều là cực Nam.

Câu 5. Chọn câu trả lời đúng. Trên thanh nam châm chỗ nào hút mạt sắt mạnh nhất:

A. Phần giữa của thanh
B. Chỉ có từ cực Bắc
C. Cả hai từ cực
D. Mọi chỗ đều hút sắt mạnh như nhau

Câu 6. Khi nào hai thanh nam châm hút nhau?

A. Khi hai cực Bắc để gần nhau
B. Khi để hai cực khác tên gần nhau
C. Khi hai cực Nam để gần nhau
D. Khi để hai cực cùng tên gần nhau

Câu 7. Vì sao có thể nói Trái Đất là một thanh nam châm khổng lồ?

A. Vì Trái Đất hút tất cả các vật về phía nó.
B. Vì Trái Đất hút các vật bằng sắt thép mạnh hơn các vật làm bằng vật liệu khác.
C. Vì không gian bên trong và xung quanh Trái Đất tồn tại từ trường.
D. Vì trên bề mặt Trái Đất có nhiều mỏ đá nam châm.

Câu 8. Từ trường Trái Đất mạnh nhất ở

A. Vùng xích đạo
B. Vùng địa cực
C. Vùng đại dương
D. Vùng có nhiều quặng sắt

Câu 9. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Cực Bắc địa từ trùng với cực Nam địa lí.
B. Cực Bắc địa từ trùng với cực Bắc địa lí.
C. Cực Nam địa từ trùng với cực Nam địa lí.
D. Cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau.

Câu 10. La bàn là một dụng cụ dùng để xác định

A. khối lượng một vật.
B. phương hướng trên mặt đất.

C. trọng lượng của vật. D. nhiệt độ của môi trường sống.

Câu 11. Cấu tạo của nam châm điện gồm:

A. Một lõi sắt non và cuộn dây dẫn có dòng điện chạy qua quấn quanh lõi sắt non.

B. Một lõi thép và cuộn dây có dòng điện chạy qua dẫn quấn quanh lõi thép.

C. Một lõi kim loại và cuộn dây dẫn có dòng điện chạy qua quấn quanh lõi kim loại.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 12. Một cần cẩu điện có thể tạo ra một lực lớn có thể nần thùng container nặng hàng chục tấn, theo em làm thế nào để tăng lực từ của cần cẩu điện này.

A. tăng độ lớn của dòng điện chạy qua cuộn dây dẫn.

B. giảm độ lớn của dòng điện chạy qua cuộn dây dẫn.

C. có thể tăng hoặc giảm độ lớn của dòng điện chạy qua cuộn dây dẫn.

D. không có phương án nào.

Câu 13. khi đặt thanh thép vào trong lòng một ống dây có dòng điện chạy qua, hiện tượng xảy ra với thanh thép là:

A. thanh thép bị nóng lên.

B. thanh thép trở thành nam châm.

C. thanh thép bị nhiễm điện.

D. không có hiện tượng gì xảy ra với thanh thép.

Câu 14. Đường sức từ của nam châm không có đặc điểm nào sau đây?

A. Càng gần hai cực, các đường sức từ càng gần nhau hơn.

B. Mỗi một điểm trong từ trường chỉ có một đường sức từ đi qua.

C. Đường sức từ ở cực Bắc luôn nhiều hơn ở cực Nam.

D. Đường sức từ có hướng đi vào cực Nam và đi ra cực Bắc của nam châm.

Câu 15. Người ta dùng dụng cụ nào để nhận biết sự tồn tại của từ trường?

A. Nhiệt kế. B. Đồng hồ.

C. Kim nam châm có trục quay. D. Cân.

2. CHỦ ĐỀ 7: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT

Câu 16. Cơ quan chính thực hiện quá trình quang hợp ở thực vật là

A. rễ cây. B. thân cây. C. lá cây. D. hoa.

Câu 17. Quá trình quang hợp diễn ra chủ yếu trong bào quan nào?

A. Lục lạp (chứa chất diệp lục) của tế bào lá cây.

B. Lục lạp (chứa chất diệp lục) của tế bào thân cây.

C. Ty thể (chứa chất diệp lục) của tế bào lá cây.

D. Ty thể (chứa chất diệp lục) của tế bào thân cây.

Câu 18. Trồng và bảo vệ cây xanh mang lại những lợi ích gì?

1. Cung cấp thức ăn cho các sinh vật.

2. Cân bằng hàm lượng khí carbon dioxide và oxygen trong không khí.

3. Hạn chế quá trình sử dụng các phương tiện giao thông.

4. Làm sạch không khí.

5. Điều hòa khí hậu

Lợi ích của trồng và bảo vệ rừng bao gồm?

A. 1,2,3,4,5. B. 1,2,3,4. C. 1,2,4,5. D. 1,2,3,5.

Câu 19. Cho sơ đồ tóm tắt về quang hợp như sau:

$$\text{Nước} + (1) \xrightarrow[\text{Chất diệp lục}]{\text{Ánh sáng}} \text{Glucose} + (2)$$

Chọn đáp án hoàn thiện sơ đồ trên:

A. (1) Oxygen; (2) Carbon dioxide B. (1) Carbon dioxide; (2) Oxygen

C. (1) Carbon oxyen; (2) Oxygen D. (1) Oxygen dioxide; (2) Oxygen

Câu 20. Nói về hô hấp tế bào, điều nào sau đây ***không*** đúng?

A. Quá trình hô hấp tế bào chủ yếu diễn ra trong nhân tế bào.

B. Đó là quá trình biến đổi các chất hữu cơ thành carbon dioxide, nước và giải phóng năng lượng.

C. Nguyên liệu cho quá trình hô hấp là chất hữu cơ và oxygen.

D. Quá trình hô hấp tế bào diễn ra trong ti thể.

Câu 21. Quá trình hô hấp có ý nghĩa

A. đảm bảo sự cân bằng oxygen và carbon dioxide trong khí quyển.

B. tạo ra năng lượng cung cấp cho hoạt động sống của cơ thể sinh vật.

C. làm sạch môi trường.

D. chuyển hoá carbon dioxide thành oxygen.

Câu 22. Cơ chế khuếch tán. Các phân tử khí di chuyển từ nơi có ……(1)… đến nơi có……(2)

A. (1) nồng độ cao (2) nồng độ thấp B. (1) nồng độ thấp (2) nồng độ cao

C. (1) nhiều ánh sáng (2) ít ánh sáng D. (1) Nhiệt độ cao (2) nhiệt độ thấp

Câu 23. Khí khổng có vai trò gì đối với lá cây?

A. Giúp cây quang hợp và hô hấp

B. Giúp cây tổng hợp chất dinh dưỡng

C. Giúp lá có màu xanh.

D. Giúp trao đổi các loại khí và thoát hơi nước.

Câu 24. Hai tế bào tạo thành khí khổng có hình dạng gì?

A. Hình yên ngựa. B. Hình lõm hai mặt.

C. Hình hạt đậu. D. Có nhiều hình dạng.

Câu 25. Sắp xếp các bộ phận sau theo đúng thứ tự của cơ quan hô hấp ở người: phổi,
khí quản, khoang mũi, thanh quản, phế quản.

A. Khoang mũi, khí quản, thanh quản, phế quản, phổi.

B. Khoang mũi, thanh quản, khí quản, phế quản, phổi.

C. Khoang mũi, phế quản, khí quản, thanh quản, phổi.

D. Khoang mũi, phổi, khí quản, thanh quản, phế quản.

Câu 26. Trong các phát biểu dưới đây, có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về phân tử nước?

(1) Nước được cấu tạo từ hai nguyên tử oxygen liên kết với một phân tử hydrogen.

(2) Trong phân tử nước, đầu oxygen tích điện âm còn đầu hydrogen tích điện dương.

(3) Do cóhai đầu tích điện trái dấu nhau nên phân tửnước cótính lưỡng tính.

(4) Nước có thể liên kết với một phân tử bất kì khác.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 27. Ở động vật, chất dinh dưỡng gồm:

A. carbohydrate (chất bột đường), lipit (chất béo), protein (chất đạm), vitamin và chất khoáng

B. carbohydrate (chất bột đường), lipit (chất béo), protein (chất đạm)

C. carbohydrate (chất bột đường), lipit (chất béo), vitamin và chất khoáng

D. vitamin và chất khoáng

Câu 28. Vai trò của carbohydrate đối với cơ thể sinh vật là:

A. tham gia cấu tạo màng sinh chất, dự trữ và cung cấp năng lượng cho cơ thể

B. tham gia cấu tạo tế bào, cung cấp năng lượng, điều hòa các hoạt động của tế bào và cơ thể, vận chuyển các chất,…

C. tham gia cấu tạo tế bào, cung cấp năng lượng cho cơ thể

D. tham gia cấu tạo tế bào, enzyme, … Tham gia vào nhiều hoạt động chức năng sinh lí của thế bào và cơ thể (trao đổi chất, miễn dịch,…).

Câu 29. Ở thực vật, dựa vào tỉ lệ có trong tế bào muối khoáng được chia thành:

A. nhóm chiếm tỉ lệ lớn: C,H,O,N,P,… và nhóm có tỉ lệ nhỏ: Fe, Zn, Cu, Mo,…

B. nhóm chiếm tỉ lệ lớn: Fe, Zn, Cu, Mo,… và nhóm có tỉ lệ nhỏ: C,H,O,N,P,…

C. nhóm chiếm tỉ lệ nhiều: Fe, Zn, Cu, Mo,… và nhóm có tỉ lệ ít: C,H,O,N,P,…

D. nhóm chiếm tỉ lệ lớn: Fe, Zn, Cu, C,H,O,… và nhóm có tỉ lệ nhỏ: Cu, Mo…

Câu 30. Các chất dinh dưỡng có vai trò:

1) Cung cấp nguyên liệu cấu tạo nên các thành phần của tế bào

2) Giúp cơ thể sinh trưởng và phát triển

3) Giữ ấm cho cơ thể

4) Là dung môi hòa tan và vận chuyển các chất

5) Cung cấp năng lượng

6) Tham gia điều hòa các hoạt động sống của tế bào và cơ thể.

A. 1,2,5,6 B. 1,2,4,5,6 C. 2,4,5,6 D. 1,2,6

Câu 31. Nước có những vai trò gì đối với cơ thể sinh vật?

(1) Vận chuyển các chất trong cơ thể sinh vật.

(2) Tạo môi trường liên kết các thành phần khác nhau trong cơ thể.

(3) Điều hoà thân nhiệt.

(4) Tạo ra năng lượng cho cơ thể.

(5) Cung cấp chất dinh dưỡng cho cơ thể sử dụng.

(6) Môi trường sống cho nhiều loài sinh vật.

(7) Môi trường hoà tan nhiều chất cần thiết.

A. 1,2,5,6,7 B. 1,2,3,5,6 C. 2,4,5,6,7 D. 1,2,3,6,7

Câu 32. Nước và muối khoáng từ môi trường ngoài được rễ hấp thụ nhờ

A. lông hút. B. vỏ rễ. C. mạch gỗ. D. mạch rây.

Câu 33. Con đường hấp thụ, vận chuyển của nước và muối khoáng từ môi trường đất vào mạch gỗ của rễ là:

A. Từ lông hút →Tế bào thịt vỏ → mạch gỗ của rễ.

B. Từ Tế bào thịt vỏ → lông hút → mạch gỗ của rễ.

C. Từ lông hút →Tế bào thịt vỏ → mạch gỗ của thân.

D. Từ mạch gỗ của rễ → lông hút → Tế bào thịt vỏ.

Câu 34. Mạch gỗ trong thân cây chủ yếu vận chuyển các chất

A. Nước B. Nước và muối khoáng

C. Muối khoáng D. Chất hữu cơ

Câu 35. Mạch rây trong thân cây chủ yếu vận chuyển các chất

A. Nước B. Nước và muối khoáng

C. Chất hữu cơ D. Muối khoáng

Câu 36. Quá trình thoát hơi nước có những ý nghĩa nào sau đây?

(1) Tạo động lực cho sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ và mạch rây.

(2) Điều hoà nhiệt độ bề mặt lá.

(3) Giúp khuếch tán khí CO_2 vào trong lá để cung cấp cho quá trình quang hợp.

(4) Giúp khuếch tán khí O_2 từ trong lá ra ngoài môi trường.

A. 1,2 B. 1,2,3,4 C. 1,4 D. 2,3,4

Câu 37. Khi đưa cây đi trồng nơi khác, người ta thường làm gì để tránh cho cây không bị mất nước?

A. Nhúng cây ngập vào nước B. Tưới đẫm nước cho cây

C. Tỉa bớt cành lá D. Cắt ngắn rễ

Câu 38. Tại sao khi trời nóng, chúng ta cần uống nhiều nước hơn?

A. Cơ thể cần uống nước vào những ngày nắng nóng để dự trữ nước cho mùa đông.

B. Vào ngày nắng nóng, nhiệt độ môi trường tăng cao, cơ thể điều hòa nhiệt bằng cách đổ mồ hôi làm mất nước.

C. Khi trời nóng, các tuyến mồ hôi được kích hoạt và làm tăng nhiệt độ cơ thể làm mất nước.

D. Khi trời nóng, thận tăng tốc độ làm việc nên đào thải ra nhiều nước tiểu khiến cơ thể mất nước.

Câu 39. Nhu cầu nước ở động vật phụ thuộc vào các yếu tố nào?

A. Tùy theo loài, nhiệt độ môi trường, loại thức ăn, giới tính, cường độ hoạt động, tình trạng sức khỏe…

B. Loài càng lớn càng cần nhiều nước.

C. Phụ thuộc chủ yếu vào người nuôi.

D. Tỉ lệ thuận với sự tiến hóa của loài.

Câu 40. Người trưởng thành cần cung cấp bao nhiêu lít nước mỗi ngày?

A. 0,5 – 1L B. 1.5 – 2 L C. 2 – 2.5L D. 2,5 – 3L

Câu 41. Trong ống tiêu hóa của người, thức ăn được vận chuyển theo thứ tự:

A. Miệng → Ruột non → dạ dày → hầu → ruột già → hậu môn

B. Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non→ ruột già → → trực tràng → hậu môn

C. Miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn → trực tràng

D. Miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.

Câu 42. Trong cơ thể người, nước được vận chuyển đến các tế bào và các cơ quan trong cơ thể thông qua hoạt động của

A. hệ tuần hoàn. B. hệ hô hấp.

C. hệ bài tiết. D. hệ thần kinh.

Câu 43. Cho bảng thông tin sau:

Cơ quan tiêu hóa	**Chức năng**
(1) Miệng	(a) tiêu hóa hoàn toàn thức ăn và hấp thụ các chất dinh dưỡng vào máu.
(2) Ruột non	(b) thu nhận và nghiền thức ăn, sau đó, đẩy thức ăn xuống thực quản.
(3) Dạ dày	(c) chủ yếu hấp thụ nước và một số ít chất còn lại, tạo phân và chất khí.
(4) Ruột già	(d) tiêu hóa một phần thức ăn nhờ sự co bóp và enzyme tiêu hóa.

Hãy ghép thông tin cơ quan tiêu hóa với chức năng tương ứng.

A. 1-b, 2-a, 3-c, 4-d. B. 1-b, 2-a, 3-d, 4-c.

C. 1-a, 2-b, 3-c, 4-d. D. 1-a, 2-c, 3-b, 4-d.

Câu 44. Quá trình tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở người được thực hiện thông qua các hoạt động gồm

A. thu nhận và biến đổi thức ăn.

B. thu nhận, biến đổi thức ăn và hấp thụ các chất dinh dưỡng.

C. thu nhận, biến đổi thức ăn, hấp thụ các chất dinh dưỡng và thải các chất cặn bã.

D. thu nhận, biến đổi thức ăn, hấp thụ các chất dinh dưỡng và vận chuyển các chất.

Câu 45. Các chất dinh dưỡng được biến đổi trong hệ tiêu hóa sẽ được hấp thụ vào cơ thể người qua

A. Máu B. Thành dạ dày C. Dịch tiêu hóa D. Ruột già

3. CHỦ ĐỀ 8. CẢM ỨNG Ở SINH VẬT VÀ TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT

Câu 46. Cảm ứng ở sinh vật là

A. khả năng tiếp nhận kích thích và phản ứng lại các kích thích từ môi trường bên trong và bên ngoài cơ thể.

B. khả năng tiếp nhận kích thích từ môi trường bên trong cơ thể.

C. khả năng phản ứng lại các kích thích từ môi trường bên ngoài cơ thể.

D. khả năng tiếp nhận kích thích và phản ứng lại các kích thích từ môi trường bên ngoài cơ thể.

Câu 47. Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào **không** phải là cảm ứng ở thực vật?

A. Lá cây bàng rụng vào mùa hè.

B. Lá cây xoan rụng khi có gió thổi mạnh.

C. Hoa hướng dương hướng về phía Mặt Trời.

D. Cây nắp ấm bắt mồi.

Câu 48. Hình bên chứng minh cho hiện tượng cảm ứng nào ở thực vật?

A. Tính hướng đất âm của rễ, hướng sáng dương của thân.

B. Tính hướng tiếp xúc.

C. Tính hướng hoá.

D. Tính hướng nước.

Câu 49. Vai trò của cảm ứng ở sinh vật là

A. giúp sinh vật phản ứng lại các kích thích của môi trường để tồn tại và phát triển.

B. giúp sinh vật tạo ra những cá thể mới để duy trì liên tục sự phát triển của loài.

C. giúp sinh vật tăng số lượng và kích thước tế bào để đạt khối lượng tối đa.

D. giúp sinh vật có tư duy và nhận thức học tập để đảm bảo sự tồn tại và phát triển.

Câu 50. Hiện tượng cây phát triển về phía có nguồn dinh dưỡng gọi là

A. tính hướng tiếp xúc. B. tính hướng sáng.

C. tính hướng hoá. D. tính hướng nước.

Câu 51. Hiện tượng rễ cây phát triển về phía có nguồn dinh dưỡng gọi là

A. tính hướng tiếp xúc. B. tính hướng sáng.

C. tính hướng hóa. D. tính hướng nước.

Câu 52. Khi đặt chậu cây cạnh cửa sổ, ngọn cây sẽ mọc hướng ra bên ngoài cửa sổ. Tác nhân gây ra hiện tượng cảm ứng này là

A. cửa sổ. B. ánh sáng.

C. độ ẩm không khí. D. nồng độ oxygen.

Câu 53. Để chứng minh thực vật có tính hướng tiếp xúc trong thí nghiệm, nên sử dụng nhóm mẫu vật nào sau đây?

A. Cây đậu cô ve, bầu, bí, mướp.

B. Cây hoa hướng dương, bầu, bí, mướp.

C. Cây cà, bầu, bí, mướp, dưa chuột.

D. Cây hoa mười giờ, cây hoa hướng dương.

Câu 54. Khi trồng các loài cây thân leo như bầu, bí, mướp,... người ta thường làm giàn cho cây leo. Đây là ứng dụng dựa trên

A. tính hướng hóa. B. tính hướng nước.

C. tính hướng tiếp xúc. D. tính hướng ánh sáng.

Câu 55. Khi trồng cây cạnh bờ ao, sau một thời gian sẽ có hiện tượng nào sau đây?

A. Rễ cây mọc dài về phía bờ ao.

B. Rễ cây mọc ngược hướng bờ ao.

C. Thân cây uốn cong theo hướng ngược lại với bờ ao.

D. Thân cây uốn cong theo hướng bờ ao.

Câu 56. Tập tính động vật là

A. một số phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể), nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại

B. chuỗi những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường bên ngoài cơ thể, nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại

C. những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể), nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại

D. chuỗi phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể), nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại

Câu 57. Tập tính ở động vật được chia thành những loại nào?

A. Tập tính bẩm sinh và tập tính di truyền.

B. Tập tính bẩm sinh và tập tính học được.

C. Tập tính bản năng và tập tính học được.

D. Tập tính bản năng và tập tính di truyền.

Câu 58. Tập tính bẩm sinh là những tập tính

A. sinh ra đã có, được thừa hưởng từ bố mẹ, chỉ có ở cá thể đó.

B. sinh ra đã có, được thừa hưởng từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.

C. học được trong đời sống, không được thừa hưởng từ bố mẹ, chỉ có ở cá thể đó.

D. học được trong đời sống, không được thừa hưởng từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.

Câu 59. Những tập tính nào là những tập tính bẩm sinh?

A. Người thấy đèn đỏ thì dừng lại, chuột nghe mèo kêu thì chạy.

B. Ve kêu vào mùa hè, chuột nghe mèo kêu thì chạy.

C. Ve kêu vào mùa hè, ếch đực kêu vào mùa sinh sản.

D. Người thấy đèn đỏ thì dừng lại, ếch đực kêu vào mùa sinh sản.

Câu 60. Tập tính học được có đặc điểm

A. hình thành trong đời sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm

B. hình thành trong quá trình phát triển của loài, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.

C. hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, được di truyền.

D. hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, đặc trưng cho loài.

Câu 61. Người ta làm thí nghiệm nuôi các chim non trong một vùng rộng lớn mà không có chim bố mẹ. Đến khi trưởng thành, các chim con cũng tha rác và có về một chỗ nhưng chúng không làm được tổ. Điều này chứng tỏ

A. sự chăm sóc của con người đã làm mất bản năng làm tổ ở chim.

B. tập tính làm tổ được hình thành qua quá trình học tập.

C. tập tính làm tổ vừa mang tính bẩm sinh, vừa phải học tập.

D. chỉ những cá thể đã qua sinh sản mới biết làm tổ

4. CHỦ ĐỀ 9: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT

Câu 62. Phát triển là

A. những biến đổi của cơ thể sinh vật bao gồm ba quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng, phân hóa tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan của cơ thể.

B. sự tăng lên về kích thước và khối lượng cơ thể do tăng lên về số lượng và kích thước tế bào.

C. những biến đổi của cơ thể sinh vật dưới tác động trực tiếp của môi trường sống mà không liên quan đến biến đổi vật chất di truyền.

D. những biến đổi đột ngột của cơ thể sinh vật do biến đổi vật chất di truyền mà không liên quan đến biến đổi điều kiện môi trường sống.

Câu 63. Sinh trưởng là

A. sự tăng lên về kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước tế bào.

B. sự tăng lên về khối lượng cơ thể do tăng lên về số lượng tế bào.

C. sự tăng lên về kích thước và khối lượng cơ thể do tăng lên về kích thước tế bào.

D. sự tăng lên về kích thước và khối lượng cơ thể do tăng lên về số lượng và kích thước tế bào.

Câu 64. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển?

A. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ độc lập với nhau; sinh trưởng luôn diễn ra trước phát triển.

B. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ độc lập với nhau; phát triển luôn diễn ra trước sinh trưởng.

C. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ mật thiết với nhau; sinh trưởng tạo tiền đề cho phát triển còn phát triển sẽ thúc đẩy sinh trưởng.

D. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ mật thiết với nhau; phát triển tạo tiền đề cho sinh trưởng còn sinh trưởng sẽ thúc đẩy phát triển.

Câu 65. Cho bảng thông tin sau:

Quá trình	Biểu hiện
(1) Sinh trưởng (2) Phát triển	(a) Thể trọng lợn con từ 5kg tăng 8kg. (b) Kích thước lá tăng lên. (c) Hạt giống nảy mầm. (d) Cây bưởi ra lá non. (e) Trứng gà nở thành gà con.

Cách ghép nối phù hợp là

A. 1-a,b; 2-c,d,e.

B. 1-a,c; 2-b,d,e.

C. 1-a,d; 2-b,c,e.

D. 1-a,e; 2-b,c,d.

Câu 66. Cơ sở cho sự sinh trưởng của thực vật là sự phân chia của các tế bào thuộc

A. mô mềm. B. mô xốp. C. mô dẫn. D. mô phân sinh.

Câu 67. Mô phân sinh là

A. nhóm các tế bào có khả năng phân chia, giúp cho thực vật tăng trưởng về kích thước.

B. nhóm các tế bào có khả năng cảm ứng, giúp cho thực vật tăng trưởng về kích thước.

C. nhóm các tế bào có khả năng biệt hóa, giúp cho thực vật tăng trưởng về kích thước.

D. nhóm các tế bào có khả năng phản biệt hóa, giúp cho thực vật tăng trưởng về kích thước.

Câu 68. Mỗi sinh vật trong quá trình sống đều trải qua các giai đoạn sinh trưởng và phát triển khác nhau gọi là

A. vòng đời. B. quá trình sinh trưởng.

C. quá trình phát triển. D. quá trình biến thái.

Câu 69. Vòng đời của ếch trải qua các giai đoạn lần lượt là

A. phôi → trứng → nòng nọc → nòng nọc 2 chân → nòng nọc 4 chân → ếch con → ếch trưởng thành.

B. trứng → phôi → nòng nọc → nòng nọc 2 chân → nòng nọc 4 chân → ếch con → ếch trưởng thành.

C. phôi → trứng → nòng nọc → nòng nọc 4 chân → nòng nọc 2 chân → ếch con → ếch trưởng thành.

D. trứng → phôi → nòng nọc → nòng nọc 4 chân → nòng nọc 2 chân → ếch con → ếch trưởng thành.

Câu 70. Quan sát vòng đời của ếch và của gà dưới đây:

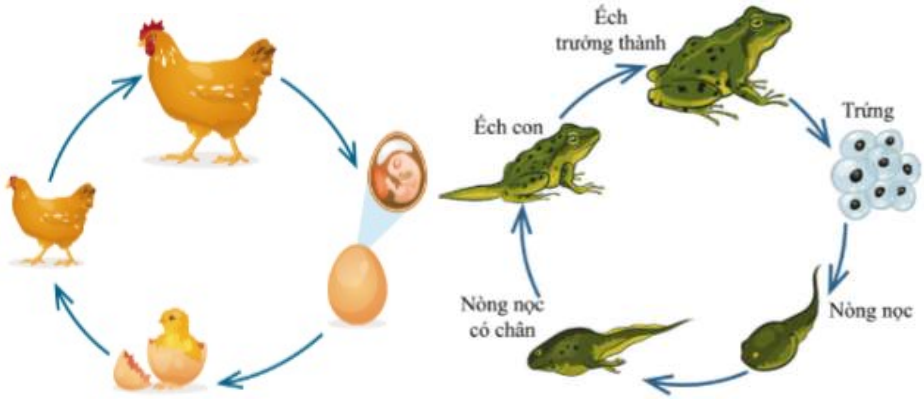

Điểm khác nhau cơ bản trong vòng đời của gà so với ếch là

A. xảy ra nhiều sự biến đổi đột ngột về hình thái.

B. không xảy ra nhiều biến đổi đột ngột về hình thái.

C. có giai đoạn hợp tử phát triển thành phôi diễn ra trong trứng đã thụ tinh.

D. không có giai đoạn hợp tử phát triển thành phôi diễn ra trong trứng đã thụ tinh.

Câu 71. Ở cây 2 lá mầm, thân và rễ dài ra là nhờ hoạt động của:

A. mô phân sinh cành
B. mô phân sinh bên
C. mô phân sinh lóng
D. mô phân sinh đỉnh

Câu 72. Mô phân sinh đỉnh nằm ở vị trí nào của cây?

A. Giữa thân, ngọn, rễ
B. Lá
C. Đỉnh của thân, rễ
D. Vỏ

Câu 73. Loại mô nào có chức năng làm tăng độ dày của thân, rễ, cành?

A. Mô phân sinh đỉnh
B. Mô phân sinh bên
C. Mô phân sinh ngọn
D. Mô phân sinh chồi

Câu 74. Quan sát sơ đồ mô tả ảnh hưởng của nhiệt độ đến sự sinh trưởng và phát triển của cá rô phi ở Việt Nam sau:

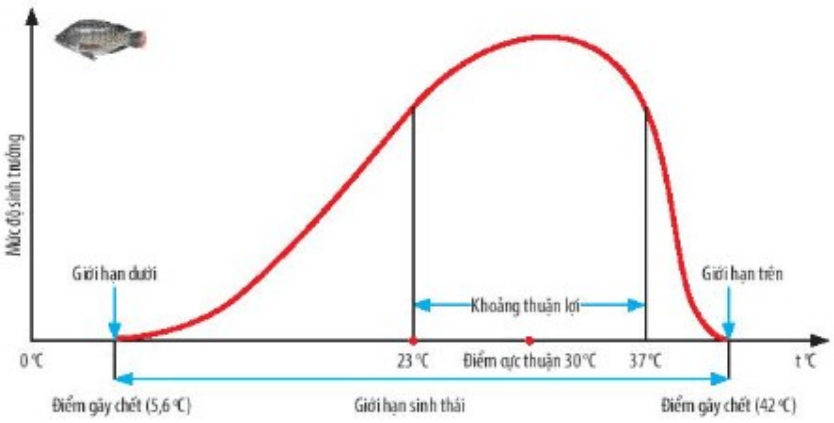

▲ **Hình 35.1.** Sơ đồ mô tả ảnh hưởng của nhiệt độ đến sự sinh trưởng và phát triển của cá rô phi ở Việt Nam

Khoảng nhiệt độ thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cá rô phi ở Việt Nam là

A. 0°C đến 23°C.
B. 23°C đến 37°C.
C. 37°C trở lên.
D. 23°C trở lên.

Câu 75. Trẻ em không được tiếp xúc thường xuyên với ánh sáng dễ mắc phải bệnh nào sau đây?

A. Bệnh quáng gà.
B. Bệnh bướu cổ.
C. Bệnh suy tim.
D. Bệnh còi xương.

Câu 76. Cho bảng thông tin sau:

Cột A	Cột B
(1) Nhân tố môi trường bên trong (2) Nhân tố môi trường bên ngoài	(a) Hormone (b) Nhiệt độ (c) Ánh sáng (d) Yếu tố di truyền (e) Nước (f) Chất dinh dưỡng (g) Giới tính

Cách ghép nối cột A với cột B phù hợp là

A. 1-a,b,c,d; 2-e,f,g.
B. 1-a,d,g; 2-b,c,e,f.
C. 1-a,b,c; 2-d,e,f,g.
D. 1-a,d,f,g; 2-b,c,e.

Câu 77. Phát biểu nào sau đây là *không đúng* khi nói về ảnh hưởng của dinh dưỡng đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật?

A. Dinh dưỡng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật.

B. Thiếu hay thừa dinh dưỡng đều ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật.

C. Nhu cầu dinh dưỡng cho sự sinh trưởng và phát triển của một cá thể là như nhau trong mọi giai đoạn.

D. Để sinh vật sinh trưởng và phát triển bình thường cần thiết lập chế độ ăn uống hợp lí, cân đối.

Câu 78. Biểu hiện của cây khi thừa chất dinh dưỡng là

A. cây sinh trưởng và phát triển kém, thân còi cọc, lá ít và nhạt màu.

B. cây sinh trưởng và phát triển khỏe mạnh, đầy đủ lá, lá xanh mượt.

C. cây sinh trưởng và phát triển quá mạnh nhưng lá ít, nhạt màu, dễ gãy rụng.

D. cây sinh trưởng và phát triển quá mạnh nhưng thân bị yếu, dễ gãy, lá dễ gãy rụng.

Câu 79. Khi sử dụng chất kích thích để điều hòa sinh trưởng và phát triển của cây trồng cần:

A. sử dụng vào thời điểm ngay sau khi hạt nảy mầm hoặc trước khi cây ra hoa để đảm bảo an toàn thực phẩm.

B. tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn sử dụng của các nhà sản xuất và các chuyên gia để đảm bảo an toàn thực phẩm.

C. sử dụng cùng một loại chất kích thích cho tất cả các loại cây trồng để đảm bảo an toàn thực phẩm.

D. sử dụng cùng một liều lượng chất kích thích cho tất cả các giai đoạn sinh trưởng của cây để đảm bảo an toàn thực phẩm.

Câu 80. Cho các biện pháp sau:

(1) Tạo giống lai giữa mướp đắng với mướp cho năng suất cao

(2) Điều chỉnh nhiệt độ buồng nuôi tằm để tạo điều kiện tốt nhất cho tằm phát triển

(3) Trồng xen canh mía và bắp cải để thu được hiệu quả kinh tế cao cho người trồng

(4) Xây dựng chuồng trại theo mô hình khép kín có máng ăn, uống tự động, quạt thông khí làm cho hiệu quả chăn nuôi được tăng rõ rệt

Số biện pháp là ứng dụng các nhân tố môi trường bên ngoài để điều hòa sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi là

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 81. Việc trồng xen canh giữa cây mía và cây bắp cải đem đến lợi ích nào sau đây?

A. Mía tạo bóng râm cho bắp cải phát triển; bắp cải giúp giữ ẩm cho đất trồng mía, ngăn cản sự phát triển của cỏ dại.

B. Bắp cải tạo bóng râm cho mía phát triển; mía giúp giữ ẩm cho đất trồng bắp cải, ngăn cản sự phát triển của cỏ dại.

C. Mía tạo ra chất khoáng cho bắp cải phát triển; bắp cải giúp giữ ẩm cho đất trồng mía, ngăn cản sự phát triển của cỏ dại.

D. Bắp cải tạo ra chất khoáng cho mía phát triển; mía giúp giữ ẩm cho đất trồng bắp cải, ngăn cản sự phát triển của cỏ dại.

Câu 82. Quan sát vòng đời của muỗi sau đây:

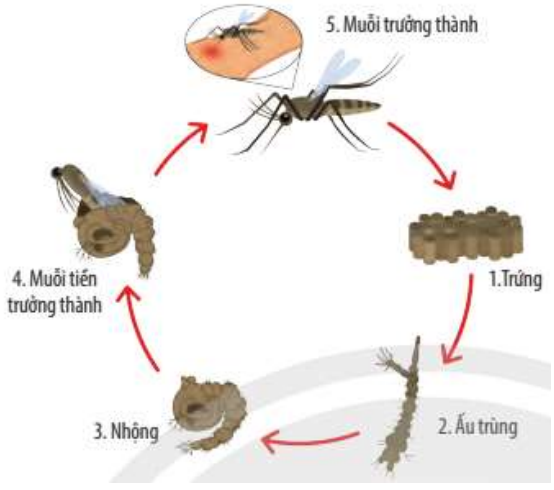

Để tiêu diệt muỗi hiệu quả, nên tác động vào các giai đoạn nào sau đây?

A. Giai đoạn trứng và giai đoạn ấu trùng.

B. Giai đoạn trứng và giai đoạn muỗi trưởng thành.

C. Giai đoạn nhộng và giai đoạn muỗi trưởng thành.

D. Giai đoạn muỗi tiền trưởng thành và giai đoạn muỗi trưởng thành.

II. TỰ LUẬN

Câu 83. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thông tin sau:

(1)…….. ở sinh vật là quá trình cơ thể sinh vật lấy các chất từ..(2)…… cung cấp cho quá trình chuyển hoá trong tế bào, đồng thời thải các chất không cần thiết ra ngoài môi trường.

(3)…… là sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.

(4)……. luôn đi kèm với chuyển hoá năng lượng.

Câu 84. Em hãy dự đoán những quá trình chuyển hoá năng lượng nào diễn ra khi một con báo đang chạy, biết trong tế bào tồn tại nhiều dạng năng lượng khác nhau như cơ năng, nhiệt năng, hoá năng. Giải thích.

Câu 85. Nối các yếu tố môi trường (cột A) với tác động đến quá trình quang hợp hoặc đặc điểm của cây xanh (cột B).

(A) Yếu tố môi trường	(B) Đặc điểm đến quang hợp/đặc điểm của cây
Ánh sáng	1.Vừa là nguyên liệu của quang hợp, vừa là yếu tố tham gia đóng hoặc mở khí khổng và liên quan đến sự trao đổi khí.
Nhiệt độ	2.Nồng độ quá cao (trên 0.2%) sẽ làm cây chết vì ngộ độc
CO2	3.Cây ưa sáng, cây ưa bóng râm
Nước	4.Nhiệt độ thuận lợi cho quang hợp ở hầu hết các loài cây là từ 25°C đến 35°C

Câu 86.

Trao đổi khí		Khí lấy vào	Khí thải ra
Ở động vật	Hô hấp		
Ở thực vật	Quang hợp		
	Hô hấp		

Câu 87. Hãy tìm hiểu và giải thích các hiện tượng sau:

a) Khi cây thiếu nitrogen (N) hay magnesium (Mg), lá sẽ bị vàng.

b) Khi cơ thể người thiếu sắt (Fe) sẽ có triệu chứng da xanh xao, mệt mỏi, chóng mặt

Câu 88. Hoàn thành sơ đồ con đường trao đổi nước ở người

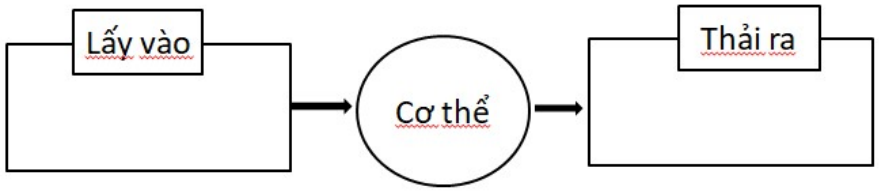

Câu 89. Viết sơ đồ thể hiện đường đi của máu trong vòng tuần hoàn phổi và vòng tuần hoàn các cơ quan.

Câu 90. Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi.

Sử dụng các thực phẩm không đảm bảo vệ sinh trước mắt có thể bị ngộ độc cấp tính với các triệu chứng ồ ạt, dễ nhận thấy, nhưng vấn đề nguy hiểm hơn nữa là sự tích luỹ dần các chất độc hại ở một số cơ quan trong cơ thể, sau một thời gian mới phát bệnh hoặc có thể gây các dị tật, dị dạng cho thế hệ mai sau. Những ảnh hưởng tới sức khoẻ đó phụ thuộc vào các tác nhân gây bệnh. Những trẻ suy dinh dưỡng, người già, người ốm càng nhạy cảm với các bệnh do thực phẩm không an toàn nên càng có nguy cơ suy dinh dưỡng và bệnh tật nhiều hơn.

Do vậy, vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm để phòng các bệnh gây ra từ thực phẩm có ý nghĩa thực tế rất quan trọng trong sự phát triển

kinh tế và xã hội, bảo vệ môi trường sống của các nước đã và đang phát triển, cũng như nước ta.

Mục tiêu đầu tiên của vệ sinh an toàn thực phẩm là đảm bảo cho người ăn tránh bị ngộ độc do ăn phải thức ăn bị ôn hiễm hoặc có chất độc; thực phẩm phải đảm bảo lành và sạch.

(Nguồn: thoxuan.thanhhoa. gov.vn)

a) Tại sao ăn thức ăn bị ô nhiễm lại gây nguy hiểm cho cơ thể con người?

b) Nêu những triệu chứng dễ nhận thấy khi bị ngộ độc thức ăn.

c) Tại sao trẻ suy dinh dưỡng, người già, người ốm càng nhạy cảm với các bệnh do thực phẩm không an toàn gây nên?

d) Nên làm gì để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng các bệnh gây ra từ thực phẩm bị ô nhiễm?

Câu 91. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa hệ tiêu hoá, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn và hệ bài tiết trong quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật.

Câu 92. Giải thích cơ sở của các ứng dụng sau đây: huấn luyện chó kéo xe, huấn luyện khỉ làm xiếc, dùng tiếng chuông gọi cá lên ăn.

Câu 93. Đọc đoạn thông tin sau:

Kiến ba khoang có màu nâu đỏ, mình thon, giữa lưng có một vạch lớn màu đen tạo thành các khoang màu khác nhau trên cơ thể.

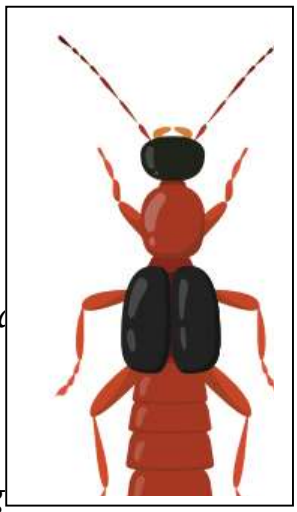

Kiến ba khoang thường ẩn nấp trong rơm rạ, bãi cỏ, ruộng, vườn. Chúng làm tổ và đẻtrứng trong đất. Khi ruộng lúa, vườn rau xuất hiện sâu cuốn lá hay rầy nâu, kiến tìm đến, chui vào các tổ sâu để ăn thịt sâu non. Sự xuất hiện của kiến ba khoang đã làm giảm thiểu số sâu cuốn lá đáng kể và bảo vệ hoa màu khỏi sự phá hoại của sâu bệnh. Tuy nhiên gần đây, việc lạm dụng hoá chất bảo vệ thực vật đã làm giảm đáng kể số kiến ba khoang và làm cho chúng mất nơi ẩn nấp. Do đó, theo ánh sáng điện chúng bay vào các khu dân sinh và gây ảnh hưởng

đến sức khoẻcon người khi tiếp xúc với chất dịch từ cơ thể kiến tiết ra.

a. Hãy cho biết đoạn thông tin nào nói về tập tính của kiến ba khoang?

b. Theo em, có nên tiêu diệt kiến ba khoang không? Tại sao?

c. Hãy đưa ra đề xuất hạn chế sự xuất hiện của kiến ba khoang trong gia đình.

Câu 94. Hãy tìm hiểu và vẽ vòng đời của mối và cho biết giai đoạn nào của mối gây hại cho đồ dùng, vật dụng, công trình bằng gỗ trong gia đình.

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

PHẦN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào đáp án trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống lý Thường Kiệt đã có chủ trương gì?

A. Đánh du kích.
B. Phòng thủ.
C. Đánh lâu dài.
D. Tiến công trước để tự vệ.

Câu 2. Mục đích chính của Lý Thường Kiêt trong cuộc tấn công sang đất Tống cuối năm 1075 là:

A. Đánh vào cơ quan đầu não của quân Tống
B. Đánh vào nơi tập trung lương thực và khí giới để chuẩn bị đánh Đại Việt.
C. Đánh vào khu vực đông dân để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
D. Đòi lại phần đất đã mất do bị nhà Tống chiếm.

Câu 3. Tại sao Lý Thường Kiệt lại chủ động giảng hòa?

A. Lý Thường Kiệt sợ mất lòng vua Tống.
B. Để bảo toàn lực lượng và tài sản của nhân dân.
C. Để đảm bảo mối quan hệ hòa hiếu giữa hai nước và là truyền thống nhân đạo của dân tộc.
D. Lý Thường Kiệt muốn kết thúc chiến tranh nhanh chóng.

Câu 4. trên cơ sở phân tích diễn biến cuộc kháng chiến chống Tống (1075- 1077), em hãy cho biết tư tưởng xuyên suốt của cuộc kháng chiến là gì?

A. Nhân đạo. B. Nhân văn. C. Chủ động. D. Bị động.

Câu 5. Trên đường kéo vào Thăng Long, quân Tống bị chặn đánh ở phòng tuyến nào?

A. Sông Bạch Đằng.
B. Nam Quan.
C. Như Nguyệt.
D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 6. Vào thời gian nào quân Tống vượt qua ải Nam Quan qua Lạng Sơn tiến vào nước ta?

A. Cuối năm 1076.
B. Đầu năm 1077.
C. Cuối năm 1075.
D. Đầu năm 1076.

Câu 7. Giữa lúc quan Tống rơi vào tình thế khó khăn, bế tắc, Lý Thường Kiệt đã làm gì?

A. Tạm hào hoãn với quân Tóng để củng cố lực lượng trong nước.
B. Chủ động kết thúc chiến tranh bằng thương lượng, đề nghị " Giảng hòa".
C. Tấn công, đập tan cuộc chiến tranh xâm lược của Chăm- pa ở phía Nam.
D. Đón địch, tiêu diệt lực lượng địch ngay khi chúng vừa đặt chân đến.

Câu 8. Sau khi rút quân khỏi thành Ung Châu, Lý Thường Kiệt cho quân bố phòng ở:

A. Vùng đồng bằng.
B. Vùng biên giới.
C. Xung quanh trại địch.
D. Trên đường địch tấn công.

Câu 9. Những vị tướng dân tộc thiểu số tiêu biểu, có đóng góp lớn trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075- 1077) là

A. Hà Bổng, Hà Trương.
B. Tông Đản, Thân Cảnh Phúc.
C. Hoài Trung Hầu, Dương Cảnh Thông.
D. hà Thiện Lãm, Dương Tự Minh.

Câu 10. Vị vua Lý nào nhường ngôi cho Trần cảnh, mở ra triều đại nhà Trần?

A. Lý Cao Tông.
B. Lý Anh Tông.
C. Lý Chiêu Hoàng.
D. Lý Huệ Tông.

Câu 11. Nhà Trần thay nhà Lý có ý nghĩa như thế nào?

A. Củng cố chế độ quân chủ trung ương tập quyền vững mạnh.
B. Tạo điều kiện cho nền quân chủ phát triển vững mạnh.
C. Làm cho chế độ phong kiến suy yếu.
D. Chứng tỏ nhà Trần mạnh hơn nhà Lý.

Câu 12. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng chính sách của nhà Trần đối với giáo dục?

A. Quốc Tử Giám được mở rộng dể đào tạo con em quý tộc quan lại.
B. Nhiều trường tư được khuyến khích thành lập.
C. Các kỳ thi Nho học được tổ chức quy củ.
D. Dựng bia tiến sĩ ở Văn Miếu.

Câu 13. Những công trình kiến trúc nổi tiếng nào đã được xây dựng vào thời Trần?

A. Tháp Phỏ Minh, chùa Một Cột.
B. Tháp Phổ Minh, thành Tây Đô.
C. Tháp Phổ Minh, chùa Thiên Mụ.

D. Tháp Phổ Minh, chùa Tây Phương.

Câu 14. chủ trương "binh lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông" có nghĩa là:

A. Quan trọng số lượng binh lính, không quan trọng chất lượng.

B. Quan trọng chất lượng binh lính không quan trọng về số lượng.

C. Cả chất lượng và số lượng binh lính đều quan trọng.

D. Không xem trọng chất lượng và số lượng.

Câu 15. Ai là người có công lớn nhất trong việc sáng lập triều Trần?

A. Trần Cảnh. B. Trần Thủ Độ.

C. Trần Khánh Dư. D. Trần Quốc Tuấn.

Câu 16. Điểm độc đáo trong bộ máy nhà nước thời Trần là:

A. Các vua lên ngôi khi còn nhỏ tuổi.

B. Các chức vụ quan trọng trong triều đều do những người đỗ đạt nắm giữ.

C. Các vua nhà trần thường nhường ngôi sớm, xưng là Thái thượng hoàng, hỗ trợ vua (con) trị nước.

D. Nhiều chức quan và cơ quan mới được lập ra.

Câu 17. Trận phản công nào của quân dân nhà Trần đã đánh bại quân xâm lược Mông Cổ năm 1258?

A. Tây Kết. B. Chương Dương.

C. Đông Bộ Đầu. D. Bình Lệ Nguyên.

Câu 18. Năm 1258, khi quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long, quân dân nhà Trần đã làm gì?

A. Thi hành kế sách "vườn không nhà trống"

B. Quyết tâm chiến đấu để bảo vệ kinh thành.

C. Thực hiện chiến thuật đánh du kích.

D. Thực hiện kế sách tạm hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng.

Câu 19. Hội nghị Diên Hồng do nhà Trần tổ chức đã triệu tập những thành phần nào để bàn kế hoạch đánh giặc?

A. Các quan lại cao cấp. B. Toàn bộ nhân dân Thăng Long.

C. Các vương hầu, quý tộc. D. Các bô lão có uy tín.

Câu 20. Kế sách vườn không nhà trống được áp dụng trong lần kháng chiến nào?

A. Chỉ sử dụng trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất.

B. Chỉ áp dụng trong cuộc kháng chiến lần thứ hai.

C. Chỉ áp dụng trong cuộc kháng chiến lần thứ ba.

D. Được áp dụng trong cả ba lần.

Câu 21. Ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông- Nguyên đã để lại nhiều bài học lịch sử quý giá. Đâu là một trong số đó?

A. Thiết lập một lực lượng quân đội hung hãn.

B. Sử dụng các loại vũ khí hiện đại.

C. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 22. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống Mông- Nguyên của quân dân Đại Việt?

A. Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia.

B. Đóng góp vào truyền thống và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

C. Ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước Đông Nam Á, góp phần làm suy yếu đế chế Nguyên.

D. Đưa Đại Việt trở thành nước hùng mạnh nhất khu vực Đông Nam Á.

Câu 23. Hồ Quý Ly cho phát hành laoij tiền giấy đầu tiên là:

A. Thông bảo hội sao. B. Thông bảo.

C. Thuận Thiên thông bảo. D. Thánh Nguyên thông bảo.

Câu 24. Quân Minh lấy cớ nào để tiến hành xâm lược Đại Việt?

A. Quý tộc Trần cầu cứu nhà Minh giúp đỡ.

B. Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần.

C. Nhà Hồ không thực hiện chế độ triều cống nhà Minh.

D. Quân đội nhà Hồ quấy nhiễu biên giới phía Nam.

Câu 25. Để tăng cương sức mạnh quân sự, nhà Hồ đã thực hiện biện pháp gì?

A. Cải cách chế độ học tập thi cử để chọn người tài.

B. Lập lại kỷ cương, cải tổ quy chế quan lại.

C. Tăng cường lực lượng quân đội chính quy, xây nhiều thành lũy.

Câu 26. Nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa là

A. Lang Chánh (Thanh Hóa). B. Tây Đô (Thanh Hóa).

C. Lam Sơn (Thanh Hóa). D. Thọ Xuân (Thanh Hóa).

Câu 27. Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi là do…(1)…. có lòng..(2)…nồng nàn, ý chí quyết tâm giành lại nền độc lập cho đất nước. Nhân dân đã cùng đứng lên, đóng góp của cải, lương thực, vú khí,…. và trải qua nhiều gian khổ, hi sinh để giành thắng lợi cuối cùng.

Hãy điền từ còn thiếu vào chỗ trống.

A. Nhân dân, yêu nước. B. Các tướng lĩnh, yêu nước.

C. Các hào kiệt, quyết tâm. D. Các anh tài, nhân hậu.

Câu 28. Sự kiện nào diễn ra vào đầu năm 1418?

A. Lê Lợi cùng 18 hào kiệt tổ chức Hội thế Lũng Nhai (Thanh Hóa), quyết tâm đánh đuổi giặc Minh.

B. Lê Lợi Tự xung là bình Định Vương, truyền Hịch kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước.

C. Vương Thông chính thức trở thành Tổng binh của quân Minh.

D. Cuộc khởi binh đầu tiên của nghĩa quân Lam Sơn.

Câu 29. câu nào nói đúng về tình trạng của cuộc khởi nghĩa Lam sơn từ 1818- 1823?

A. Căn cứ của nghĩa quân nhiều lần bị bao vây.

B. Nghĩa quân gặp rất nhiều khó khăn, phải ba lần út lui lên núi Chí linh (Thanh Hóa), có lúc chỉ còn hơn 100 người.

C. Lê Lợi và Nguyễnãi củ trương ạm hòa với quân Minh để giảm bớt khó khăn.

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 30. Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?

A. Chính sách cai trị tàn bạo độc ác của quân Minh đối với nhân dân Đại Việt.

B. Quân Minh ép Lê Lợi ra làm quan.

C. Do tác động của cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.

D. Vương triều Hồ đã thất bại trong cuộc kháng chiến chống quan Minh.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 31. Nêu những nét độc đáo trong kế sách của nhà Lý khi tấn công sang đất Tống?

Câu 32. Hãy đánh giá nét độc đáo trong tổ chức phản công và chủ trương kết thúc chiến tranh của nhà Lý?

Câu 33. Hãy trình bày những nét chính về tình hình chính trị của Đại Việt dưới thời Trần?

Câu 34. Hãy mô tả sự thành lập của nhà Trần và nêu vai trò của Trần Thủ Độ đối với sự thành lập nhà Trần?.

PHẦN ĐỊA LÝ

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Khu vực địa hình nào nằm ở phía Tây của Nam Mĩ?

A. Hệ thống Cooc-đi-e

B. Hệ thông An-đét

C. Đồng bằng.

D. Sơn nguyên

Câu 2. Khu vực trung và Nam Mỹ gồm:

A. Mê-hi-cô, các quần đảo trong biển Caribê và Nam mỹ.

B. Eo đất trung Mỹ và lục địa Nam Mỹ, Mê-hi-cô

C. Quần đảo Ăngti, eo đất trung Mỹ và Nam Mỹ, Mê-hi-cô

D. Eo đất trung Mỹ và quần đảo Ăngti, Mê-hi-cô

Câu 3. Phân hóa theo chiều bắc-nam, Trung và Nam Mĩ có những đới khí hậu nào?

A. Đới nóng và đới ôn hòa.

B. Đới ôn hòa và đới lạnh.

C. Đới nóng và đới lạnh.

D. Cả 3 đới khí hậu

Câu 4. Sự phâm hóa tự nhiên Trung và Nam Mĩ, phân hóa đa dạng theo chiều

A. bắc-nam.

B. đông-tây

C. độ cao.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 5. Phần lớn diện tích Trung và Nam Mĩ thuộc đới khí hậu nào?

A. Đới nóng.

B. Đới ôn hòa.

C. Đới lạnh.

D. Cả 3 đới khí hậu.

Câu 6. Tốc độ đô thị hóa nhanh ở Trung và Nam Mĩ là hệ quả của:

A. Đô thị hóa tự phát, kinh tế còn chậm phát triển.

B. Tốc độ phát triển kinh tế nhanh.

C. Trình độ công nghiệp hóa cao.

D. Đô thị hóa có quy hoạch.

Câu 7. Bộ tộc người bản địa của Trung và Nam Mĩ là người

A. In-ca. B. Mai-a. C. A-xơ-tếch. D. Anh-điêng.

Câu 8. Tốc độ gia tăng dân số quá nhanh trong khi kinh tế chậm phát triển gây nên hậu quả gì?

A. Tỉ lệ thất nghiệp cao. B. Ô nhiễm môi trường

C. Chế độ phúc lợi thấp D. Tất cả các đap án trên

Câu 9. Trung và Nam Mĩ gia thoa của nhiều nền văn hóa, tạo nên bản sắc văn hóa riêng có tên gọi là

A. Mĩ Latinh B. In-ca. C. Mai-a. D. A-xơ-tếch.

Câu 10. Các siêu đô thị ở Trung và Nam Mĩ tập trung chủ yếu ở đâu?

A. Nội địa B. Đồng bằng C. Cửa sông D. Ven biển

Câu 11. Châu Đại Dương gồm 2 bộ phần là

A. lục địa Oxtraylia và hệ thống các đảo.

B. Lục địa Oxtraylia và đảo Niu Dilen

C. Lục địa Oxtraylia và đảo PaPua NiuGhi-nê

D. Lục địa Oxtraylia và Mi-cro-nê-di.

Câu 12. Hệ thống các đảo châu Đại Dương gồm mấy nhóm đảo?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 13. Châu Đại Dương có diện tích khoảng

A. 8,5 triệu km^2 B. 7,7 triệu km^2

C. 10 triệu km^2 D. 12,4 triệu km^2

Câu 14. Châu Đại Dương tiếp giáp với những đại dương nào?

A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương

B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương

C. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương

D. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

Câu 15. Phần lớn diện tích lục địa Oxtraylia là địa hình gì?

A. Núi cao B. Đồng bằng

C. Bồn địa D. Hoang mạc

Câu 16. Đặc điểm nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG** về tình hình dân cư của châu Đại Dương

A. Người bản địa chiếm tỉ lệ ít
B. Dân cư phân bố không đều
C. Mật độ dân số thấp nhất thế giới
D. Tỉ lệ dân thành thị thấp

Câu 17. Dân cư Ô-xtrây-li-a phân bố chủ yếu ở đâu?

A. Ven biển phía đông, đông nam, tây nam.
B. Đồng bằng và bồn địa trung tâm.
C. Ven biển phía tây
D. Phân bố đều khắp lục địa

Câu 18. Ô-xtrây-li-a phát triển mạnh ngành gì trong nông nghiệp?

A. Chăn nuôi.
B. Trồng trọt.
C. Khai thác gỗ
D. Trồng rừng.

Ô-xtrây-li-a phát triển mạnh ngành chăn nuôi. (SGK-147)

Câu 19. Mật độ dân số châu Đại Dương so với thế giới:

A. Thấp nhất
B. Trung bình
C. Khá cao
D. Cao

Câu 20. Các khoáng sản chính của châu Đại Dương là:

A. Boxit, niken, sắt, than đá, dầu mỏ.
B. Boxit, dầu mỏ, vàng, đồng, apatit.
C. Dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, đồng, manga.
D. Sắt, niken, đồng, sắt, apatit, kim cương.

Câu 21. Dân cư Ô-xtrây-li-a phân bố thưa thớt khu vực phía tây vì

A. Khí hậu khô nóng, chủ yếu hoang mạc.
B. Khí hậu lạnh giá khắc nghiệt.
C. Thực vật nghèo nàn.
D. Khoáng sản nghèo nàn

Câu 22. Nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng hoang mạc hóa ở Ô-xtrây-li-a?

A. Chăn nuôi gia súc quá mức.
B. Cháy rừng, mất lớp phủ thực vật.
C. Biến đổi khí hậu.
D. Tất cả các đáp án trên

Câu 23. Các nước có nền kinh tế nhất châu Đại Dương là:

A. Ô-xtray-li-a và Niu Di-len.
B. Niu Di-len và Pa-pua-niu-ghi-nê.

C. Ô-xtray-li-a và Pa-pua-niu-ghi-nê. D. Niu Di-len và Dac-Uyn.

Câu 24. Việc khia thác khoáng sản ở Ô-xtrây-li-a gâu hậu quả gì?

A. Ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên.

B. Ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sự phát triển kinh tế.

C. Tài nguyên cạn kiệt, không đủ đáp ứng nhu cầu trong nước.

D. Trở thành các nước xuất khẩu khoáng sản lớn trên thế giới.

Câu 25. Nước nào có tỉ lệ dân thành thị cao nhất châu Đại Dương?

A. Pa-pua Niu Ghi-nê. B. Ôxtrây-li-a.

C. Va-nua-tu. D. Niu Di-len.

Câu 26. Lục địa Nam Cực có đặc điểm địa hình như thế nào?

A. Núi cao, băng tuyết bao phủ quanh năm.

B. Cao nguyên băng khổng lồ.

C. Băng hà cổ.

D. Sông băng vĩnh cửu

Câu 27. Vì sao nói châu Nam Cực được gọi là cực lạnh của thế giới?

A. Khí hậu lạnh giá quanh năm, nhiệt độ dưới -10^{o}C

B. Nằm ở cực nam của Trái Đất.

C. Băng tuyết bao phủ quanh năm.

D. Địa hình cao nguyên băng khổng lồ

Câu 28. Châu Nam Cực có nhiều gió bão vì

A. Khí hậu lạnh giá quanh năm

B. Nằm trong vùng khí áp cao

C. Được bao bọc bởi các đại dương lớn.

D. Biến đổi khí hậu toàn cầu

Câu 29. Châu Nam cực có khí hậu lạnh giá gay gắt vì:

A. Do vị trí ở vùng cực nên mùa đông đêm địa cực kéo dài.

B. Mùa hè có ngày kéo dài, cường độ bức xạ lại rất yếu nên khả năng tích trữ năng

lượng nhiệt của lục địa kém.

C. Là một lục địa rộng, diện tích trên 14 triệu Km2, băng nhiều nên nhiệt độ quanh
năm thấp.
D. Tất cả các đáp án trên

Câu 30. Khí hậu lạnh giá tác động như thế nào đến lượng mưa ở châu Nam Cực?

A. Mưa nhiều
B. Mưa ít
C. Mưa ít, dưới dạng tuyết rơi.
D. Mưa nhiều, dưới dạng tuyết rơi

II. TỰ LUẬN

Câu 31. (1.5 điểm) Trình bày đặc điểm khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li a.

Câu 32. (1.5 điểm)

a. Phân tích nét đặc sắc sinh vật của lục địa Ô-xtrây-li a.

b. Tại sao lớp băng ở Nam Cực ngày càng tan chảy nhiều hơn? Điều đó có ảnh hưởng gì đến đời sống của con người trên Trái Đất?

Câu 33. (1,5 điểm)

Dựa vào kiến thức đã học em hãy trình bày những đặc điểm nổi bật về khí hậu của châu Nam Cực.

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Quyền và nghĩa vụ của con, cháu

A. Cấm ngược đãi và có hành vi xúc phạm ông bà, cha mẹ.

B. Yêu quý, kính trọng, biết ơn cha mẹ, ông bà

C. Chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà đặc biệt là những khi cha mẹ, ông bà đau ốm, bệnh tật

D. Cả 3 đáp án trên đúng

Câu 2. Câu tục ngữ: Anh em như thể tay chân, rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần khuyên chúng ta điều gì?

A. Anh, em phải đoàn kết, yêu thương lẫn nhau.

B. Anh, em phải trung thực với nhau.

C. Anh, em phải lo cho nhau.

D. Anh, em phải có trách nhiệm với nhau.

Câu 3. Chế độ hôn nhân của nước ta là?

A. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ.

B. Bình đẳng, một vợ một chồng.

C. Bình đẳng, tiến bộ, một vợ, một chồng.

D. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng.

Câu 4. Đối với các hành vi ngược đãi, xúc phạm cha mẹ, ông bà chúng ta cần phải làm gì?

A. Lên án, phê phán, tố cáo. B. Nêu gương.

C. Học làm theo. D. Mặc kệ vì không liên quan đến mình.

Câu 5. Các hành động thể hiện quyền và nghĩa vụ của ông bà là?

A. Dạy cháu điều hay lẽ phải.

B. Chăm sóc các cháu.

C. Dạy các cháu cách ứng xử, giao tiếp với người ngoài.

D. Cả A, B, C.

Câu 6. Gia đình K lợi dụng mẹ già chiếm đoạt tài sản, chuyển nhượng sổ đỏ để lấy đất sau đó bán và đưa mẹ chồng vào trại dưỡng lão để không phải trông nom, chăm sóc. Việc làm đó nói lên điều gì?

A. Con cái bất hiếu với cha mẹ.
B. Con cái yêu thương cha mẹ.
C. Con cái không tôn trọng cha mẹ.
D. Con cái tôn trọng cha mẹ.

Câu 7. Bố và mẹ bất đồng trong quan điểm nuôi dạy con theo cách dạy của Nhật Bản và Việt Nam, ép con phải học theo những thứ mà bố mẹ thích. Việc làm đó nói lên điều gì?

A. Bố mẹ không tôn trọng ý kiến của con.
B. Bố mẹ không tôn trọng con.
C. Bố mẹ vi phạm pháp luật.
D. Bố mẹ không có nhận thức đúng đắn.

Câu 8. Gia đình là tế bào của xã hội... cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con thành những công dân tốt.... Nhà nước và xã hội không thừa nhận việc phân biệt đối xử giữa các con. Thuộc điều mấy của Hiến pháp 1992

A. Điều 10 B. Điều 15 C. Điều 50 D. Điều 64

Câu 9. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình đề cập đến các mối quan hệ nào?

A. Cha mẹ và con cái
B. Anh chị em.
C. Ông bà và con cháu.
D. Cả A, B, C.

Câu 10. Em hãy thử hình dung nếu không có tình yêu thương, sự chăm sóc dạy dỗ của ông bà cha mẹ thì em sẽ ra sao? Điều gì sẽ xảy ra nếu em không làm tốt bổn phận và nghĩa vụ đối với cha mẹ, ông bà, anh chị, em?

A. Nếu không có tình yêu thương, chăm sóc dạy dỗ của cha mẹ thì cuộc đời em sẽ đầy khó khăn, vất vả và bất hạnh.

B. Nếu không làm tốt bổn phận và nghĩa vụ đối với cha mẹ, ông bà, anh chị em là đứa con bất hiếu, sống không có đạo đức, gia đình bất hạnh, em sẽ bị xã hội lên án.

C. A, B đúng
D. A, B sai

Câu 11. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình được thể hiện rõ nhất tại đâu?

A. Luật Hôn nhân và Gia đình. B. Luật Trẻ em.

C. Luật lao động. D. Luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

Câu 12. Các hành động thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ là?

A. Nuôi dạy con. B. Cho con đi học.

C. Dạy con học bài. D. Cả A, B, C.

Câu 13. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình được thể hiện rõ nhất tại đâu?

A. Luật Hôn nhân và Gia đình. B. Luật Trẻ em.

C. Luật lao động. D. Luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em

Câu 14. Bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình được hiểu là?

A. Các thành viên trong gia đình đối xử công bằng, dân chủ, tôn trọng lẫn nhau.

B. Tập thể gia đình quan tâm đến lợi ích của từng cá nhân, từng cá nhân phải quan tâm đến lợi ích chung của gia đình.

C. Các thành viên trong gia đình có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chăm lo đời sống chung của gia đình.

D. Tất cả các phương án trên

Câu 15. Các thành viên trong gia đình hòa thuận, yêu thương giúp đỡ nhau là thể hiện đặc điểm nào của xây dựng gia đình văn hóa?

A. Trách nhiệm các thành viên xây dựng đời sống vật chất.

B. Đời sống tình cảm của các thành viên trong gia đình.

C. Sinh hoạt văn hóa của các thành viên trong gia đình

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 16. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình đề cập đến các mối quan hệ nào?

A. Cha mẹ và con cái B. Anh chị em.

C. Ông bà và con cháu. D. Cả A,B,C.

Câu 17. Các hành động thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ là?

A. Nuôi dạy con. B. Cho con đi học.

C. Dạy con học bài. D. Cả A, B, C.

Câu 18. Cha mẹ có.....nuôi dạy con thành những công dân tốt, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con.

A. Quyền và trách nhiệm B. Nghĩa vụ

C. Quyền và nghĩa vụ

Câu 19. Chế độ hôn nhân của nước ta là?

A. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ.

B. Bình đẳng, một vợ một chồng.

C. Bình đẳng, tiến bộ, một vợ, một chồng.

D. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng.

Câu 20. Quyền và nghĩa vụ nuôi dạy con thành những người công dân tốt, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con là nói về quyền và nghĩa vụ của ai?

A. Con cái đối với cha mẹ. B. Ông bà đối với con cháu.

C. Anh chị em đối với nhau. D. Bố mẹ đối với con cái.

Câu 21. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình đã được quy định rõ trong

A. các quy định của cộng đồng. B. các chuẩn mực đạo đức xã hội.

C. các văn bản hành chính. D. pháp luật của Nhà nước.

Câu 22. Các hành động thể hiện quyền và nghĩa vụ của ông bà là?

A. Dạy cháu điều hay lẽ phải.

B. Chăm sóc các cháu.

C. Dạy các cháu cách ứng xử, giao tiếp với người ngoài.

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 23. Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền và nghĩa vụ trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.....nếu cháu không có người nuôi dưỡng.

A. Cháu thành niên chưa lập gia đình B. Cháu thành niên bị tàn tật

C. Cháu thành niên bị thất nghiệp D. Cả A, B, C.

Câu 24. Con đường nào ngắn nhất làm lây nhiễm HIV/AIDS?

A. Ma túy, mại dâm

B. Cờ bạc, rượu chè.

C. Xâm hại tình dục, bạo lực gia đình.

D. Cả A, B, C.

Câu 25. Tệ nạn xã hội là là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng về mọi mặt đối với đời sống xã hội được gọi là?

A. Tệ nạn xã hội.

B. Vi phạm pháp luật.

C. Vi phạm đạo đức.

D. Vi phạm quy chế.

Câu 26. Những ai cần phải phòng chống tệ nạn xã hội?

A. Bản thân cá nhân

B. Gia đình

C. Xã hội

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 27. Hình thức cao nhất xử phạt vi phạm pháp luật là?

A. Tử hình. B. Chung thân. C. Phạt tù. D. Cảnh cáo.

Câu 28. Trẻ dưới 14 tuổi khi vi phạm pháp luật áp dụng hình thức nào?

A. Đưa vào trường giáo dưỡng 1 năm kể từ ngày vi phạm.

B. Cảnh cáo.

C. Phạt tù.

D. Khuyên răn.

Câu 29. Đâu không phải là tác hại của tệ nạn xã hội:

A. Làm rối loạn trật tự xã hội

B. Là nguyên nhân lây truyền HIV-AIDS

C. Giữ gìn an ninh trật tự xã hội

D. Làm tan vỡ hạnh phúc gia đình

Câu 30. Người bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm?

A. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

B. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

D. Từ đủ 20 tuổi trở lên.

Câu 31. Cách phòng chống tệ nạn xã hội hiệu quả nhất?

A. Đưa ra phê phán ở cơ quan hoặc nơi lưu trú.

B. Tạo công ăn việc làm.

C. Phạt kinh tế đối với bậc cha mẹ cho con vi phạm.

D. Bắt hết các đối tượng tệ nạn xã hội vào tù.

Câu 32. Chọn đáp án thích hợp nhất điền vào (...).
Những người nghiện ma túy....

A. Có quan hệ chặt chẽ với nhau.

B. Là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến con đường sa vào các tệ nạn xã hội.

C. Bắt buộc phải cai nghiện.

D. trong số những tệ nạn xã hội nguy hiểm nhất.

Câu 33. Con đường nào ngắn nhất làm lây nhiễm HIV/AIDS?

A. Xâm hại tình dục, bạo lực gia đình.
B. Cờ bạc, rượu chè.
C. Muỗi đốt.
D. Ma túy, mại dâm.

Câu 34. Ý nào sau đây không phải là biện pháp phòng chống tệ nạn xã hội?

A. Sống giản dị, lành mạnh.

B. Bản thân nhận thức được tác hại của tệ nạn xã hội.

C. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội.

D. Chú trọng công việc làm ăn kinh tế hơn việc giáo dục con cái.

Câu 35. Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch

A. thói quen của xã hội.
B. chuẩn mực xã hội.
C. quy định của tập thể.
D. tập quán của cộng đồng.

Câu 36. Những hiện tượng xã hội nào sau đây không được coi là tệ nạn xã hội?

A. Đánh bạc
B. HIV/ AIDS.
C. Mê tín dị đoan
D. Sử dụng ma túy

Câu 37. Người bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm?

A. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
B. Từ đủ 14 tuổi trở lên.
C. Từ đủ 20 tuổi trở lên.
D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 38. Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi vi phạm..... gây hậu quả xấu về mọi mặt đối với đời sống xã hội.

A. Chuẩn mực của xã hội
B. Chuẩn mực đạo đức
C. Quy định của pháp luật
D. Đạo đức và pháp luật

Câu 39. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình đề cập đến các mối quan hệ nào?

A. Cha mẹ và con cái.
B. Anh chị em.
C. Ông bà và con cháu.
D. Cả A, B, C.

Câu 40. Cha mẹ có... nuôi dạy con thành những công dân tốt, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con.

A. quyền và trách nhiệm.
B. nghĩa vụ.
C. quyền và nghĩa vụ.
D. trách nhiệm.

Câu 41. Trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu chưa thành niên hoặc cháu thành niên bị tàn tật nếu cháu không có người nuôi dưỡng là quyền và nghĩa vụ của chủ thể nào sau đây?

A. Bố mẹ đối với ông bà.
B. Ông bà đối với cháu.
C. Anh chị em đối với nhau.
D. Con cái với bố mẹ.

Câu 42. Câu tục ngữ: "Anh em như thể tay chân, rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần" khuyên chúng ta điều gì?

A. Anh, em phải đoàn kết, yêu thương lẫn nhau.
B. Anh, em phải trung thực với nhau.
C. Anh, em phải lo cho nhau.
D. Anh, em phải có nghĩa vụ với nhau.

Câu 43. Đối với các hành vi ngược đãi, xúc phạm cha mẹ, ông bà chúng ta cần có thái độ nào sau đây?

A. Học làm theo.
B. Nêu gương.
C. Lên án, phê phán, tố cáo.
D. Mặc kệ vì không liên quan đến mình.

Câu 44. Biểu hiện nào sau đây thể hiện con, cháu thực hiện đúng bổn phận, quyền và nghĩa vụ của mình trong gia đình?

A. Anh chị em cãi vã, không thèm nhìn mặt nhau.
B. Vô lễ với những người lớn tuổi hơn trong gia đình.
C. Tận tình chăm sóc, nuôi dưỡng khi cha mẹ, ông bà già yếu, đau ốm.

D. Luôn cho rằng ông bà, cha mẹ là gánh nặng của gia đình.

Câu 45. Chế độ hôn nhân của nước ta là?

A. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ.
B. Bình đẳng, một vợ một chồng.
C. Bình đẳng, tiến bộ, một vợ, một chồng.
D. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng.

II. TỰ LUẬN:

Câu 1. Khái niệm và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. Kể tên 1 số tệ nạn xã hội.

Câu 2. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống tệ nạn xã hội.

Câu 3. Biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.

MÔN CÔNG NGHỆ 7

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Cho các bước để lập kế hoạch nuôi cá cảnh sau đây:

1. Xác định loại cá cảnh để nuôi.
2. Lí do lựa chọn.
3. Lập kế hoạch.
4. Tính chi phí.

Trình tự nào sau đây đúng để lập kế hoạch nuôi cá cảnh?

A. 1-2-3-4 B. 2-1-3-4 C. 3-1-2-3 D. 4-3-2-1

Câu 2. Bệnh nào sau đây có nguyên nhân do môi trường sống không thuận lợi?

A. Bệnh cảm nóng ở gà
B. Bệnh cúm gia cầm
C. Bệnh ghẻ ở chó
D. Bệnh còi xương ở lợn

Câu 3. Một trong những biện pháp chính để bảo vệ môi trường chăn nuôi là…

A. Quy hoạch, đưa trại chăn nuôi ra xa khu dân cư.
B. Vệ sinh chuồng nuôi, đưa chất thải chăn nuôi xuống ao hoặc sông, hồ.
C. Vứt xác vật nuôi bị chết ra bãi rác.
D. Cho chó, mèo đi vệ sinh ở các bãi cỏ hoặc ven đường.

Câu 4. Hoạt động nào trong chăn nuôi dưới đây có thể gây ô nhiễm môi trường?

A. Xây hầm biogas để xử lí chất thải cho các trang trại chăn nuôi.
B. Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.
C. Thu chất thải để ủ làm phân hữu cơ.
D. Thả rông vật nuôi, nuôi vật nuôi dưới gầm nhà sàn.

Câu 5. Bệnh tụ huyết trùng ở lợn thuộc loại bệnh gì?

A. Bệnh truyền nhiễm
B. Bệnh không truyền nhiễm
C. Bệnh kí sinh trùng
D. Bệnh di truyền

Câu 6. Đâu là định nghĩa đúng về "sữa đầu"?

A. Sữa đầu là sữa được con mẹ tiết ra ngay sau khi sinh và kéo dài trong khoảng 1 tuần.

B. Sữa đầu là sữa chỉ được tiết ra khi con mẹ đã sinh con được 1 tuần và kéo dài trong khoảng 1 tuần tiếp theo.

C. Sữa đầu là sữa được con mẹ tiết ra ngay sau khi sinh và kéo dài khoảng 2 tuần.

D. Sữa đầu là sữa do con mẹ tiết ra ngay sau khi sinh và kéo dài khoảng 3 tuần.

Câu 7. Yêu cầu nào dưới đây là *không chính xác* khi chăn nuôi đực giống?

A. Cân nặng vừa đủ.

B. Sức khỏe tốt nhất.

C. Cho tinh dịch tốt về số lượng và chất lượng.

D. Càng to béo càng tốt.

Câu 8. Cần cho vật nuôi non bú sữa đầu càng sớm càng tốt vì:

A. Sữa đầu chứa nhiều calcium giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

B. Sữa đầu có chứa kháng sinh giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

C. Sữa đầu có chứa kháng thể giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

D. Sữa đầu có chứa vaccine giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

Câu 9. Bệnh nào dưới đây do các vi sinh vật gây ra?

A. Bệnh giun, sán.

B. Bệnh cảm lạnh.

C. Bệnh gà rù.

D. Bệnh ve, rận.

Câu 10. Có mấy nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi?

A. 3 nguyên nhân chính.

B. 4 nguyên nhân chính.

C. 5 nguyên nhân chính.

D. 6 nguyên nhân chính.

Câu 11. Bệnh tai xanh ở lợn thuộc loại bệnh gì?

A. Bệnh truyền nhiễm

B. Bệnh không truyền nhiễm

C. Bệnh kí sinh trùng

D. Bệnh di truyền

Câu 12. Nếu thấy vật nuôi có hiện tượng bị dị ứng (phản ứng thuốc) khi tiêm vắc xin thì ta phải:

A. Tiếp tục theo dõi

B. Tiêm vắc xin trị bệnh cho vật nuôi

C. Cho vật nuôi vận động để tạo ra khả năng miễn dịch

D. Dùng thuốc chống dị ứng hoặc báo cho cán bộ thú y đến giải quyết kịp thời.

Câu 13. Các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi thường có nguyên nhân chính là:

A. Do thời tiết không phù hợp.

B. Do vi khuẩn và virus.

C. Do thức ăn không đảm bảo vệ sinh.

D. Do chuồng trại không phù hợp.

Câu 14. Nếu xây dựng chuồng gà lót nền một lớp đệm (trấu dâm bào, mùn cưa,...) thì lớp đệm này dày bao nhiêu?

A. 10 cm đến 15 cm

B. 15 cm đến 20 cm

C. 7 cm đến 10 cm

D. 5 cm đến 8 cm

Câu 15. Khi úm gà con, cần bỏ quây để gà đi lại tự do vào thời gian nào là phù hợp nhất?

A. Sau từ 1 đến 2 tuần tuổi.

B. Sau từ 2 đến 3 tuần tuổi.

C. Sau từ 3 đến 4 tuần tuổi.

D. Sau khoảng 8 tuần tuổi.

Câu 16. Chuồng nuôi gà thịt phải đảm bảo các điều kiện nào sau đây?

A. Càng kín càng tốt, mát về mùa đông, ấm về mùa hè.

B. Có độ ẩm cao, ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

C. Thông thoáng, ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

D. Có độ ẩm thấp, mát về mùa đông, ấm về mùa hè.

Câu 17. Bệnh nào dưới đây có thể phát triển thành dịch?

A. Bệnh viêm dạ dày.

B. Bệnh giun đũa ở gà.

C. Bệnh ghẻ.

D. Bệnh dịch tả lợn châu Phi.

Câu 18. Biện pháp kĩ thuật nào dưới đây không phù hợp với việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non?

A. Chăm sóc và nuôi dưỡng con mẹ tốt.

B. Kiểm tra năng suất thường xuyên.

C. Giữ ấm cơ thể.

D. Giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi non.

Câu 19. Thức ăn cho gà được chia làm mấy nhóm chất dinh dưỡng?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 20. Đối với cơ thể vật nuôi, thức ăn cung cấp năng lượng và chất dinh dưỡng để làm gì?

A. Vật nuôi hoạt động.

B. Tăng sức đề kháng của vật nuôi.

C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai.

Câu 21. Sản phẩm nào sau đây không được chế biến từ thủy sản?

A. Ruốc cá hồi. B. Xúc xích.

C. Cá thu đóng hộp. D. Tôm nõn.

Câu 22. Biện pháp bảo vệ môi trường thứ tư được đề cập đến là:

A. Quản lí tốt chất thải, nước thải

B. Thực hiện tốt biện pháp quản lí, chăm sóc ao nuôi, phòng dịch bệnh.

C. Khuyến khích các hộ nuôi trồng tăng cường áp dụng tiến bộ kĩ thuật.

D. Hạn chế sử dụng kháng sinh, hóa chất.

Câu 23. Hình thức khai thác thủy sản nào sau đây là đúng quy định?

A. Sử dụng thuốc nổ.

B. Sử dụng kích điện.

C. Khai thác trong mùa sinh sản.

D. Sử dụng lưới có kích cỡ mắt lưới cho phép.

Câu 24. Có mấy hình thức thu hoạch cá?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 25. Trong nuôi cá thương phẩm, hằng ngày nên cho cá ăn hai lần vào thời gian nào sau đây?

A. 6- 7 giờ sáng và 1- 2 giờ chiều.

B. 7- 8 giờ sáng và 2 - 3 giờ chiều.

C. 8- 9 giờ sáng và 3 - 4 giờ chiều.

D. 9- 10 giờ sáng và 4 - 5 giờ chiều.

Câu 26. Thả cá giống vào ao theo cách nào sau đây là đúng?

A. Ngâm túi đựng cá giống trong nước ao từ 15 phút đến 20 phút trước khi thả.

B. Đổ cả túi cá xuống ao cùng lúc.

C. Bắt từng con cá giống thả xuống ao.

D. Ngâm túi đựng cá giống trong nước sục oxygen từ 15 phút đến 20 phút trước khi thả.

Câu 27. Loài cá thường được nuôi làm cảnh:

A. Cá rô B. Cá hồng két C. Cá trê D. Cá quả

Câu 28. Để nuôi dưỡng, chăm sóc cá cảnh được tốt thì cần phải chuẩn bị:

A. Cá trưởng thành B. Thức ăn C. Tiểu cảnh D. Vợt cá

Câu 29. Chuồng nuôi gà yêu cầu:

A. Thông thoáng
B. Ấm về mùa đông
C. Mát về mùa hè
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 30. Chuồng gà có sàn làm cách nền bao nhiêu?

A. 20 cm B. 30 cm C. 50 cm D. 40 cm

Câu 31. Rau muống cho gà thuộc nhóm chất dinh dưỡng nào?

A. Vitamin và khoáng
B. Tinh bột
C. Chất béo
D. Đạm

Câu 32. Gà dưới 1 tháng tuổi cần ăn loại thức ăn nào?

A. Giàu đạm
B. Giàu tinh bột
C. Giàu chất béo
D. Vitamin và chất khoáng

Câu 33. Vệ sinh cho gà cần đảm bảo:

A. Ăn sạch
B. Ở sạch
C. Uống sạch
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 34. Chương trình Công nghệ 7, kết nối giới thiệu mấy loại bệnh phổ biến ở gà?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 35. Nguyên nhân bệnh tiêu chảy là:

A. Nhiễm khuẩn từ thức ăn
B. Nhiễm khuẩn từ nước uống
C. Nhiễm khuẩn từ môi trường
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 36. Biểu hiện bệnh tiêu chảy:

A. Ăn ít B. Phân lỏng C. Ủ rũ D. Cả 3 đáp án trên

Câu 37. Biểu hiện bệnh cúm gia cầm:

A. Sốt cao
B. Mào thâm tím
C. Khó thở
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 38. Dùng thuốc trị bệnh cho gà cần tuân thủ mấy nguyên tắc?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 39. Mỗi loại thuốc phù hợp với:

A. 1 loại bệnh
B. Nhiều loại bệnh
C. 1 hoặc vài loại bệnh
D. Vài bệnh

Câu 40. Gà từ 1 đến 3 tháng tuổi cho ăn cách nhau giữa các lần là:

A. 2 giờ B. 3 – 4 giờ C. 3 giờ D. 1 giờ

Câu 41. Con vật nào dưới đây thuộc nhóm gia cầm?

A. Dê B. Lợn C. Gà D. Trâu

Câu 42. "Trán đốm trắng, lưng mình hơi võng/ Yên ngựa đen, khoang trắng vắt vai" là hai câu thơ miêu tả về giống lợn nào?

A. Lợn Mán B. Lợn Móng Cái

C. Lợn Landrace D. Lợn Ỉ

Câu 43. Vai trò nào dưới đây Không phải là vai trò của chăn nuôi?

A. Cung cấp nguồn lương thực cho con người sử dụng

B. Cung cấp nguồn thực phẩm cho con người sử dụng.

C. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu và chế biến.

D. Cung cấp nguồn phân bón hữu cơ quan trọng cho trồng trọt.

Câu 44. Đặc điểm nào dưới đây không phải là đặc điểm nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cái sinh sản trong giai đoạn mang thai?

A. Nuôi thai. B. Nuôi cơ thể mẹ và tăng trưởng.

C. Tạo sữa nuôi con. D. Chuẩn bị cho tiết sữa sau đẻ.

Câu4 5: Đặc điểm chung của vật nuôi non là gì?

A. Sức đề kháng tốt

B. Lớn nhanh, ít bệnh

C. Khả năng điều tiết thân nhiệt chưa tốt

D. Chức năng các cơ quan hoàn chỉnh

Câu 45. Khi nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non cần chú ý cho chúng uống sữa đầu ngay vì sữa đầu có chất dinh dưỡng và …

A. vitamin B. chất béo C. kháng thể D. đề kháng

Câu 46. Biện pháp nào dưới đây Không phù hợp với quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non?

A. Giữ ấm cho vật nuôi

B. Cho con non bú sữa đầu của mẹ

C. Vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ

D. Hạn chế cho vật nuôi tiếp xúc ánh nắng sáng sớm

Câu 47. Thời gian mang thai của mèo là khoảng

A. 29 - 31 ngày B. 60 - 63 ngày

C. 58 - 68 ngày D. 113 - 115 ngày

Câu 48. Nguyên nhân nào dưới đây Không gây bệnh cho vật nuôi?

A. Do vi sinh vật gây bệnh.

B. Do thừa hoặc thiếu dinh dưỡng.

C. Do cách chăm sóc chu đáo.

D. Do môi trường sống không thuận lợi.

Câu 49. Bệnh nào dưới đây là do vi sinh vật gây bệnh ở Mèo?

A. Bệnh ghẻ B. Bệnh dại

C. Bệnh giun đũa D. Bệnh rụng lông

Câu 50. Những việc nên làm khi vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh?

A. Mang vật nuôi sang nơi khác để tránh dịch.

B. Bán nhanh những con khỏe, mổ thịt những con ốm.

C. Vứt xác vật nuôi xuống ao.

D. Báo cho cán bộ thú y đến kiểm tra.

Câu 51. Thức ăn cho gà là cá nhỏ thuộc nhóm dinh dưỡng?

A. Đạm B. Tinh bột

C. Chất béo D. Vitamin và chất khoáng

Câu 52. Bệnh dịch tả ở gà là do nguyên nhân nào gây nên?

A. Do nhiễm khuẩn B. Do vius

C. Do vi khuẩn D. Do giun, sán

Câu 53. Trong các nhóm thức ăn sau đây, sử dụng nhóm thức ăn nào cho gà là đảm bảo đủ chất dinh dưỡng?

A. Gạo, thóc, ngô, khoai lang, bột cá.

B. Rau muống, cơm nguội, ngô, thóc, rau bắp cải.

C. Ngô, bột cá, rau xanh, khô dầu lạc, cám gạo.

D. Bột ngô, rau xanh, cám gạo, cơm nguội, khoai lang.

Câu 54. Vai trò nào sau đây Không phải là vai trò của thủy sản?

A. Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người.

B. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.

C. Cung cấp phân bón cho trồng trọt.

D. Cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi.

Câu 55. Loài thủy sản nào dưới đây có giá trị xuất khẩu cao?

A. Cá rô phi B. Cá chép C. Cá basa D. Cá mè

Câu 56. Hình thức đánh bắt thủy sản nào dưới đây bị nghiêm cấm?

A. Sử dụng cần câu B. Sử dụng lưới

C. Sử dụng vó D. Sử dụng thuốc nổ

Câu 57. Vùng biển Việt Nam có trữ lượng nguồn hải sản phong phú với bao nhiêu loài có giá trị kinh tế cao?

A. 100 loài. B. 110 loài. C. 120 loài. D. 130 loài.

Câu 58. Phơi đáy ao khoảng bao nhiêu ngày thì tiến hành lấy nước vào ao?

A. 1 - 2 ngày. B. 3 - 5 ngày

C. 6 - 8 ngày. D. 1 0 ngày trở lên.

Câu 59. Hình thức "thu tỉa" cá nuôi trong ao được áp dụng trong trường hợp nào?

A. Khi cá lớn.

B. Mật độ nuôi dày.

C. Khi cá nuôi trong ao đạt kích cỡ thương phẩm.

D. Khi cá lớn và mật độ nuôi dày.

II. TỰ LUẬN

Câu 60. Khi dùng thuốc trị bệnh cho gà cần tuân thủ theo nguyên tắc nào? Hiện nay gà hay mắc một số bệnh phổ biến nào, em hãy kể tên?

Câu 61. Em hãy giải thích phương châm "Phòng bệnh hơn chữa bệnh".

Câu 62. Đề xuất bốn loại nguyên liệu (thuộc bốn nhóm dinh dưỡng) sẵn có trong gia đình, địa phương em phù hợp để làm thức ăn cho gà.

Câu 63. Nêu nguyên nhân, biểu hiện bệnh tiêu chảy gà?

Câu 64. Tại sao phải giảm thức ăn cho cá vào ngày thời tiết xấu hoặc khi nước ao bẩn?

MÔN TIẾNG ANH

I/ Vocabulary:

-Festivals around the world

-Energy sources

-Travelling in the future

II/ Pronunciation:

- stress in two –syllable words.

-- stress in three –syllable words

III/ Grammar

- although/ though/ however

- yes-no questions

- present continuous

- future simple

- possessive pronouns

IV/ Skills

- Reading for specific information about an unsual festival

- Reading for specific information about types of energy sources and about cars

- Reading for specific information about cars

THE END!